

Số: 203 /BCCK-MNTT

An Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG KHAI TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC TRONG
HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN NĂM HỌC 2025-2026

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục Quốc dân;

Trường mầm non Tân Tiến công khai đầu năm học 2025 - 2026 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên trường:** Trường Mầm non Tân Tiến
- Địa chỉ trụ sở chính:** Số 192. Đường tân Tiến, phường An Dương, TP Hải Phòng.
- Loại hình trường:** Trường Mầm non công lập
 - Điện thoại:
 - Website: <https://mntantien.haiphong.edu.vn>
 - Địa chỉ Email: mamnontantienhp@gmail.com

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của trường

4.1. Sứ mạng

Trường Mầm non Tân Tiến cam kết xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, hiện đại, giúp trẻ phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, ngôn ngữ, tình cảm - xã hội và thẩm mỹ.

Nhà trường chú trọng:

Áp dụng phương pháp giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, phát huy tính tích cực, sáng tạo của trẻ.

Kết nối chặt chẽ giữa gia đình - nhà trường - cộng đồng trong giáo dục.

Đào tạo đội ngũ giáo viên có năng lực chuyên môn vững vàng, cam kết thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ đạt chất lượng tốt nhất. Góp phần cùng giáo dục mầm non Thành phố thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, phát triển thể hệ tương lai của đất nước.

4.2. Tầm nhìn

- Giữ vững ngôi Trường Mầm non đạt chuẩn quốc gia, tiên phong trong đổi mới giáo dục mầm non trên địa bàn.

- Trường học hạnh phúc - Nơi trẻ an toàn, vui vẻ, sáng tạo, được học tập và phát triển toàn diện.

- Cơ sở giáo dục tiên tiến - Ứng dụng công nghệ hiện đại, phương pháp giảng dạy tiên tiến, nâng cao chất lượng giáo dục.

Cha mẹ học sinh tin cậy, là nơi để trẻ phát triển toàn diện và hình thành những kỹ năng cơ bản để phục vụ bản thân.

*** Mục tiêu chung**

Xây dựng Trường Mầm non Tân Tiến trở thành một môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, hiện đại, nơi trẻ em được phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, ngôn ngữ, tình cảm – kỹ năng xã hội.

Nhà trường hướng đến việc đổi mới phương pháp giáo dục theo hướng lấy trẻ làm trung tâm, giúp trẻ phát huy tối đa khả năng sáng tạo, tư duy độc lập và kỹ năng giải quyết vấn đề ngay từ bậc mầm non. Đồng thời, tăng cường kết nối giữa gia đình - nhà trường - cộng đồng nhằm tạo ra sự thống nhất trong phương pháp giáo dục, giúp trẻ phát triển hài hòa và sẵn sàng cho các bậc học tiếp theo.

Duy trì các mức độ theo quy định của Trường Mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và Chuẩn quốc gia Mức độ 1.

5. Quá trình hình thành và phát triển

Trường Mầm non Tân Tiến thuộc phường An Dương - Hải Phòng. Trường được thành lập tháng 9 năm 1986 trên cơ sở hợp nhất các lớp nhà trẻ, mẫu giáo gọi là trường mầm non. Thực hiện đề án chuyển đổi Trường Mầm non bán công sang Trường Mầm non công lập, nhà trường được UBND thành phố Hải Phòng ra quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 02/03/2011 chuyển đổi Trường Mầm non bán công sang trường mầm non công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Trường có 2 điểm trường: điểm chính thuộc thôn Nông Xá, điểm còn lại ở thôn Do Nha.

Nhà trường luôn hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ trong các năm học và được công nhân là Tập thể lao động tiên tiến xuất sắc.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Thông tin người đại diện pháp luật: Phạm Thị Sấm- Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Số 192, đường Tân Tiến, phường An Dương, thành phố Hải Phòng.

Số điện thoại: 0913650787

Địa chỉ thư điện tử: mamnontantienhp@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

7.1. Quyết định thành lập trường:

Số 282/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc thành lập trường Mầm non Tân Tiến.

7.2. Hội đồng trường: Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:

- Quyết định: số 511/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân quận An Dương về việc kiện toàn hội đồng trường.

- Chủ tịch hội đồng trường: Đồng chí Phạm Thị Sấm - Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng nhà trường

- Danh sách thành viên Hội đồng trường gồm 11 thành viên.

7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm

- Bà Phạm Thị Sấm: Hiệu trưởng

Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 10 tháng 03 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện An Dương;

- Bà Phạm Thị Lý: Phó Hiệu trưởng

Quyết định số 555/QĐ-CT ngày 04 tháng 03 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận An Dương;

- Bà Nguyễn Thị Thảo: Phó Hiệu trưởng

Quyết định số 3466/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện An Dương.

7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động của trường: Thực hiện theo Thông tư số 52/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 về Điều lệ trường mầm non.

II. THU CHI TÀI CHÍNH

TT	Nội dung	Dự toán
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Học phí (nếu có)	
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	595.199.031
1.2	Mức thu: Kỳ 1: 203.000đ/tháng	
1.3	Tổng số thu trong năm	831.285.000

TT	Nội dung	Dự toán
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.426.484.031
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	1.426.484.031
1.6	Số chi trong năm	1.426.484.031
	Trong đó: - Bổ sung chi lương	570.593.612
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	285.295.806
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	427.945.209
	- Chi khác: điện nước, VSMT...	142.649.404
1.7	Số dư cuối năm	
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT và CSGD chuyên biệt; cả khóa học đối với GDTX)	1.663.650.000
2	Các khoản thu dịch vụ	
2.1	Tiền ăn	
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	23.692.596
2.1.2	Mức thu 28.000đ/ngày	
2.1.3	Tổng số thu trong năm	2.273.040.000
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	2.296.732.596
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	2.296.732.596
2.1.6	Số chi trong năm	2.296.732.596
2.1.7	Số dư cuối năm	
2.2	Đồ dùng trang thiết bị bán trú	
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
2.1.2	Mức thu (HS cũ: 200.000đ; HS mới: 360.000đ)	
2.1.3	Tổng số thu trong năm	110.520.000
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	110.520.000
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	110.520.000
2.1.6	Số chi trong năm	110.520.000
	Trong đó: - Chi mua đồ dùng vệ sinh, ăn ngủ	110.520.000
2.1.7	Số dư cuối năm	
2.3	Hỗ trợ người nấu ăn, chăm ăn, trông trưa, công tác quản lý	
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	31.543.537
2.1.2	Mức thu 135.000đ/tháng	
2.1.3	Tổng số thu trong năm	498.150.000
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	529.693.537
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	529.693.537
2.1.6	Số chi trong năm	529.693.537

TT	Nội dung	Dự toán
	Trong đó: - Chi lương, bảo hiểm cho nhân viên nấu ăn	510.867.537
	- Chi nộp thuế 2%	18.826.000
2.1.7	Số dư cuối năm	
2.4	Quản lý trẻ ngoài giờ hành chính	
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	45.118.898
2.1.2	Mức thu 15.000đ/ngày	
2.1.3	Tổng số thu trong năm	1.172.600.000
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.217.718.898
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	1.217.718.898
2.1.6	Số chi trong năm	1.217.718.898
	Trong đó: - Chi quản lý trẻ ngoài giờ hành chính	1.175.906.898
	- Chi nộp thuế TNDN (2% nếu có phát sinh)	41.812.000
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	
2.1.7	Số dư cuối năm	
3	Vận động tài trợ	
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
3.1.2	Tổng số thu trong năm	137.850.000
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	137.850.000
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	137.850.000
3.1.5	Số chi trong năm	137.850.000
	Trong đó: Chi mua 15 máy tính bảng	71.250.000
	Chi mua 1 tủ sấy bát	45.000.000
	Chi mua 2 máy in màu	21.600.000
3.1.6	Số dư cuối năm	0

III. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Tính đến thời điểm tháng 9/2025, tổng số Cán bộ, Giáo viên, Nhân viên có mặt là 48 người, trong đó:

- Biên chế: 36 người (03 Viên chức quản lý; 32 Giáo viên; 01 nhân viên: kế toán).

- Hợp đồng: 13 người (Giáo viên:0; Nhân viên nấu ăn: 9, Nhân viên phục vụ: 04)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên										
I	Giáo viên	32			31	1					
1	Nhà trẻ	6			6				5	1	
2	Mẫu giáo	26			25	1			17	9	
II	Cán bộ quản lý										
1	Hiệu trưởng	1			1						1
2	Phó hiệu trưởng	2			2					2	
III	Nhân viên	13			1	5	3	4			
1	Nhân viên văn thư										
2	Nhân viên kế toán	1			1						
3	Thủ quỹ										
4	Nhân viên y tế										
5	Nhân viên khác	13				5	3	4			

IV. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	15	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	10	
2	Phòng học bán kiên cố	4	
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ	1	
III	Số điểm trường	2	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	8.090	17,5
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	2.800	6,06
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	930	2,01
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	105	0,23
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	547	1,18
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	54,7	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)		
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	145	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối		

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân			
	thiếu (Đơn vị tính: bộ)					
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	2.338	156			
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định					
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	48				
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)					
1	Tivi	16				
2	Nhạc cụ					
3	Máy photo					
4	Đầu Video/DVD					
5	Loa vi tính	5				
6	Bàn ghế đúng quy cách	164				
7	Máy in	14				
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)			
		Số lượng(m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	Số m ² /trẻ em		
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	5		105		0.23m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

V. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường mầm non Tân Tiến đã được Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng công nhận là trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 năm 2015 và Chuẩn quốc gia Mức độ 1 vào tháng 11/2004.

VI. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
1	Chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng trẻ đạt	- 100% trẻ có sức khỏe bình thường. - Kênh bình thường đạt 99%.	- 100% trẻ có sức khỏe bình thường. - Kênh bình thường đạt 99%.
2	Chương trình giáo dục mầm non đang thực hiện	- Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm Thông tư số 17/2009/TT-BGD&ĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 và được đổi, bổ sung một số nội dung của chương trình giáo dục mầm non Thông tư 28/2016/TT-BGD&ĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo.	- Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm thông tư 17/2009/TT-BGD&ĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 và được đổi, bổ sung một số nội dung của chương trình giáo dục mầm non Thông tư 28/2016/TT-BGD&ĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo.
3	Kết quả đạt được theo các lĩnh vực phát triển	98,5% trẻ đạt yêu cầu theo độ tuổi	98% trẻ đạt yêu cầu theo độ tuổi
4	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ trong cơ sở giáo dục mầm non	Thực hiện tốt	Thực hiện tốt

VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024-2026

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ	Mẫu giáo			
			24-36 tháng	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi	
I	Tổng số trẻ em						
1	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	483	81	119	153	130	
2	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập						
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	483	81	119	153	130	
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	483	81	119	153	130	
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	483	81	119	153	130	
V	Kết quả phát triển sức khỏe trẻ em	483	81	119	153	130	
1	Số trẻ em cân nặng bình thường		81	117	149	130	
2	Số trẻ em suy dinh dưỡng thể gầy còm				1		
4	Số trẻ em thừa cân béo phì			2	3		
VI	Số trẻ em được học các chương trình chăm sóc giáo dục	483	81	119	153	130	
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ		81				
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo			119	153	130	
VII	Kết quả đánh giá trẻ theo các lĩnh vực	483	81	119	153	130	
1	Đạt		81	119	152	130	
2	CCG		0		1		

Trên đây là báo cáo công khai của trường mầm non Tân Tiến đầu năm học 2025-2026.

Nơi nhận:

- CBQL, GV, NV;
- Cha mẹ học sinh;
- Niêm yết bảng tin, website;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Sấm

